TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20-5-2024
"V/v Ly hôn giữa bà H và ông L "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thu Trang và bà Trần Thị Mộng Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 233/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Mai Thị Kiều H** , sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp M , xã T A, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: **Ông Lê Tấn L**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp M, xã T A, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án bà Mai Thị Kiều Htrình bày như sau:

Bà Mai Thị Kiều H (gọi tắt là bà H) và ông Lê Tấn L (gọi tắt là ông L) chung sống với nhau vào năm 2007 hôn nhân tự nguyện được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã Tây Yên A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang vào ngày 18/6/2008 theo quy định.

Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông L có tính bạo lực thường xuyên hành hung, đánh đập bà H. Vì thương con bà H đã cố gắng chịu đựng trong nhiều năm tuy nhiên bản tính của ông L không thay đổi. Đến năm 2014 bà H đã tự sống ly thân chồng cho đến nay và cũng từ năm 2015 thì ông L cũng đã chung sống với người phụ nữ khác. Từ sau khi ly thân mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm tới nhau và không liên lạc với nhau nữa. Do cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và không thể hàn gắn nên bà H yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà H xác định vợ chồng có hai người con chung tên Lê Thị Vũ D, sinh ngày 17/3/2008 và Lê Thị Trà M, sinh ngày 01/6/2012. Từ khi vợ chồng ly thân cháu Lê Thị Vũ D sống với mẹ và cháu Lê Thị Trà M sống với cha. Khi ly hôn bà Hcó nguyện vọng nuôi cháu Lê Thị Vũ D và giao cháu Lê Thị Trà M cho ông L nuôi dưỡng, vợ chồng không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung của vợ chồng và nợ chung của vợ chồng: Bà H xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn ông Lê Tấn L vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của bà Mai Thị Kiều H.

Ý kiến trình bày của con chung: Cháu Lê Thị Vũ D có nguyện vọng được sống với mẹ và cháu Lê Thị Trà M có nguyện vọng được sống với cha sau khi cha mẹ ly hôn.

Thu thập chứng cứ: Nguyên đơn cung cấp Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy chứng minh dân và sổ hộ khẩu (Bản công chứng); giấy khai sinh của các con chung của vợ chồng. Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định, bị đơn ông L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tai phiên tòa đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho bà H được ly hôn với ông L; về con chung giao cháu Lê Thị Vũ D, sinh ngày 17/3/2008 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Lê Thị Trà M, sinh ngày 01/6/2012 cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng, các đương sự không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa ông Lđã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt ông L.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật: Bà H yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với ông Lvà yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung".

Bà H và ông L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tây Yên A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh từ chính quyền địa phương có cơ sở xác định đời sống hôn nhân của bà H và ông L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, ông L có hành vi bạo lực gia đình, nhiều lần hành hung đánh đập bà H. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2015, mỗi người đều tạo dựng cuộc sống riêng đều không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Toà án đã tiến hành hoà giải đoàn tụ nhưng ông bà không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời

sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của bà H cho bà H và ông L ly hôn.

Về con chung: Bà H và ông L có hai người con chung cháu Lê Thị Vũ D, sinh ngày 17/3/2008 và Lê Thị Trà M, sinh ngày 01/6/2012. Sau khi ly hôn vợ chồng mỗi người nuôi một người con, các cháu đã có cuộc sống sinh hoạt ổn định. Đến nay, cháu Lê Thị Vũ D có nguyện vọng được sống với bà H và cháu Lê Thị Trà M có nguyện vọng được sống với ông L. Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Lê Thị Vũ D cho bà H nuôi dưỡng và giao cháu Lê Thị Trà M cho ông Lnuôi dưỡng để không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt của các cháu đồng thời cũng phù hợp với điều kiện sống cũng như hoàn cảnh hiện tại của ông bà.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung của vợ chồng: Không ai có yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà H là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Kiều H.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Mai Thị Kiều H và ông Lê Tấn L.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Vũ D, sinh ngày 17/3/2008 cho bà Mai Thị Kiều H tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu Lê Thị Trà M, sinh ngày 01/6/2012 cho ông Lê Tấn L tiếp tục nuôi dưỡng sau khi bà Mai Thị Kiều H và ông Lê Tấn L ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết ông, bà có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không ai có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Mai Thị Kiều H có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008886 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Bà Mai Thị Kiều H đã nộp đủ án phí.

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 20/5/2024, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Tây Yên A;
- Lưu, HS, VP.

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm